

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định một số chính sách đặc thù
khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn
trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2015 đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002;
Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;
Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 30/9/2014 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;
Căn cứ Nghị quyết số 148/2014/NQ-HĐND ngày 12/12/2014 của HĐND tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 13 về một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2015 đến năm 2020;
Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2900/SKHĐT-NN ngày 18/12/2014 sau khi thống nhất với Sở Nông nghiệp và PTNT (Công văn số 3721/SNN-KHTC ngày 16/12/2014), Sở Tài chính (Công văn số 439a/STC-NST ngày 15/12/2014); ý kiến của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 2231/BCTĐ-STP ngày 17/12/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2015 đến năm 2020".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Báo Nghệ An, Đài PTTH Nghệ An;
- Công TTĐT Nghệ An;
- VP UBND tỉnh:
- + CVP, các PVP;
- + Trung tâm tin học - Công báo;
- + Phòng NN;
- + Lưu: VT, NN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Viết Hồng

QUY ĐỊNH

Một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2015 đến năm 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh Nghệ An)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ, đầu tư của tỉnh Nghệ An dành cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 đến năm 2020 thuộc dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Không áp dụng hỗ trợ cho các dự án sử dụng vốn tín dụng ưu đãi, vốn bảo lãnh tín dụng của Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nhà đầu tư được hỗ trợ, đầu tư là doanh nghiệp được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ, đầu tư theo quy định tại Quy định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ sử dụng trong Quy định này được hiểu như sau:

1. Ngân sách tỉnh hỗ trợ là việc ngân sách tỉnh cấp trực tiếp cho nhà đầu tư khoản kinh phí được hỗ trợ theo quy định tại chính sách này, sau khi nhà đầu tư bỏ vốn trước để thực hiện dự án, các hạng mục công việc.

2. Ngân sách tỉnh đầu tư là việc ngân sách tỉnh đầu tư các hạng mục công trình phục vụ sản xuất (giao thông, thủy lợi,...) thông qua chủ đầu tư là UBND cấp

xã, hoặc UBND cấp huyện, hoặc Sở quản lý chuyên ngành theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng hỗ trợ, đầu tư

1. Nhà đầu tư khi xây dựng vùng nguyên liệu mà có hợp đồng liên kết sản xuất nguyên liệu ổn định với người dân được ưu tiên xem xét hỗ trợ, đầu tư trước.

2. Trong cùng một thời gian, nếu doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng nhiều mức hỗ trợ, đầu tư khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức hỗ trợ, đầu tư có lợi nhất.

Chương II QUY ĐỊNH HỖ TRỢ, ĐẦU TƯ

Điều 5. Đối với cơ sở chăn nuôi gia súc

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi lợn, trâu, bò thịt tập trung có quy mô số lượng đầu con nhỏ hơn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP được ngân sách tỉnh hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ tối đa 02 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị;

b) Trường hợp dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án, ngoài mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản này, dự án còn được hỗ trợ 70% chi phí, nhưng không quá 03 tỷ đồng để đầu tư xây dựng các hạng mục trên;

c) Ngoài hỗ trợ hạ tầng quy định tại điểm a và b khoản này, nếu dự án nhập giống gốc cao sản vật nuôi được hỗ trợ không quá 40% chi phí và chỉ hỗ trợ một lần/dự án với mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng để nhập giống gốc.

2. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ theo quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Có quy mô chăn nuôi thường xuyên tập trung từ 700 đến dưới 1.000 con đối với lợn thịt; hoặc từ 300 con đến dưới 500 con đối với trâu, bò thịt;

b) Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của UBND tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt;

c) Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

Điều 6. Đối với vùng sản xuất rau an toàn theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP)

1. Nhà đầu tư có dự án sản xuất rau an toàn theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) được ngân sách tỉnh hỗ trợ, đầu tư như sau:

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ

- Hỗ trợ tối đa 01 tỷ đồng/dự án để đầu tư xây dựng nhà xưởng; mua máy móc, thiết bị; lắp đặt hệ thống tưới nước tự động; đóng gói, bảo quản sản phẩm;

- Hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm an toàn. Nội dung kinh phí thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm an toàn phải phù hợp với các quy định hiện hành;

b) Ngân sách tỉnh đầu tư

Đầu tư xây dựng, cải tạo đường giao thông trục chính nội đồng, hệ thống thủy lợi, điện hạ thế, hệ thống xử lý chất thải, hệ thống cấp thoát nước của vùng sản xuất tập trung;

2. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ, đầu tư quy định tại điểm a khoản 1 Điều này phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Có quy mô sản xuất tập trung từ 20 ha trở lên;

b) Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của UBND cấp tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt.

Điều 7. Hỗ trợ đầu tư các hạng mục phục vụ xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến, cây ăn quả

1. Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi

a) Nhà đầu tư có dự án xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến, cây ăn quả được ngân sách tỉnh đầu tư thông qua chính quyền địa phương, hoặc Sở quản lý chuyên ngành để xây dựng hồ chứa, đập dâng nhằm tạo nguồn nước tưới;

b) Các dự án được hưởng đầu tư theo quy định tại điểm a khoản này phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

- Có quy mô diện tích tập trung 50 ha trở lên;

- Dự án xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến, cây ăn quả nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của UBND tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt;

- Công trình tạo nguồn nước tưới nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có tính khả thi, đảm bảo hiệu quả đầu tư.

2. Đầu tư xây dựng công trình giao thông

Nhà đầu tư có dự án xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến, cây ăn quả có quy mô tập trung 200 ha trở lên, nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của UBND tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt, được ngân sách tỉnh đầu tư thông qua chính quyền địa phương, hoặc Sở quản lý chuyên ngành đề xây dựng đường giao thông trực chính vào trung tâm vùng nguyên liệu theo quy định của UBND tỉnh.

Điều 8. Nguồn kinh phí và cơ chế thực hiện hỗ trợ, đầu tư

1. Ngân sách tỉnh thực hiện hỗ trợ sau đầu tư đối với các hỗ trợ tại khoản 1 Điều 5, điểm a khoản 1 Điều 6 Quy định này. Khi hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án hoàn thành thì được giải ngân 70% mức vốn hỗ trợ theo hạng mục, gói thầu; sau khi dự án hoàn thành đầu tư và được nghiệm thu, phê duyệt quyết toán thì được giải ngân 30% mức vốn hỗ trợ còn lại.

2. Ngân sách tỉnh thực hiện đầu tư theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình sử dụng ngân sách nhà nước đối với nội dung tại điểm b khoản 1 Điều 6 và Điều 7 Quy định này.

3. Ngân sách tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp phần kinh phí còn lại sau khi được ngân sách Trung ương hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 17 và các dự án không được ngân sách Trung ương hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 9. Xác định mức hỗ trợ, đầu tư

1. Kinh phí hỗ trợ tại khoản 1 Điều 5 Quy định này được xác định theo định mức quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Kinh phí hỗ trợ tại điểm a khoản 1, Điều 6 Quy định này được xác định theo đơn giá được Sở Tài chính thẩm định để mua máy móc, thiết bị; lắp đặt hệ thống tưới nước tự động; đóng gói, bảo quản sản phẩm. Riêng kinh phí hỗ trợ cho xây dựng nhà xưởng được xác định theo định mức quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (theo định mức đối với nhà xưởng cao dưới 5 m).

Kinh phí thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm an toàn phải phù hợp với các quy định hiện hành và được Sở Tài chính thẩm định.

3. Kinh phí đầu tư các hạng mục tại điểm b khoản 1 Điều 6 và Điều 7 Quy định này được xác định theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Chương III

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN, LẬP KẾ HOẠCH, GIÁM SÁT VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN HỖ TRỢ, ĐẦU TƯ

Điều 10. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

1. Danh mục hồ sơ Doanh nghiệp cần nộp

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b) Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có), đối với dự án đầu tư đã triển khai gửi kèm theo báo cáo tóm tắt tình hình và kết quả thực hiện dự án từ khi bắt đầu hoạt động đến thời điểm đề nghị hỗ trợ.

Trường hợp dự án chưa được cấp giấy chứng nhận đầu tư nhưng nằm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của UBND tỉnh, doanh nghiệp nộp kèm theo giải trình kinh tế - kỹ thuật về: Mục tiêu quy mô, địa điểm đầu tư, vốn đầu tư trong đó giải trình rõ các khoản kiến nghị hỗ trợ đầu tư.

c) Bản đề nghị hỗ trợ đầu tư theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này, trong đó giải trình rõ lý do và cách tính các khoản kiến nghị hỗ trợ.

2. Doanh nghiệp nộp 08 bộ hồ sơ (trong đó có 01 bộ gốc, hồ sơ còn lại được đóng dấu giáp lai của doanh nghiệp thực hiện) theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các thông tin ghi trong Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư.

Điều 11. Trình tự, thủ tục cấp quyết định hỗ trợ

1. Sau khi doanh nghiệp nộp đủ Hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy định này trong thời gian 03 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án và cơ quan chuyên ngành liên quan hoặc

Ban Quản lý khu kinh tế Đông Nam (đối với dự án nằm trong khu kinh tế, khu công nghiệp).

2. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan nêu tại khoản 1 Điều này theo chức năng, nhiệm vụ có ý kiến thẩm tra bằng văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Nội dung thẩm tra đề nghị hỗ trợ bao gồm:

- a) Dự án thuộc đối tượng theo Quy định này;
- b) Dự án đáp ứng các điều kiện được hỗ trợ theo Quy định này;
- c) Rà soát các hỗ trợ mà doanh nghiệp đề nghị theo Quy định này.

4. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn nhận ý kiến của các cơ quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến và căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, lập báo cáo thẩm tra, trình UBND tỉnh quyết định hỗ trợ cho doanh nghiệp.

Các dự án được triển khai thực hiện khi có quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, trước khi được giao kế hoạch vốn hỗ trợ.

Điều 12. Lựa chọn hình thức thực hiện hỗ trợ

Doanh nghiệp lựa chọn một trong hai hình thức sau đây:

1. Hình thức thực hiện theo quy trình đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành, cụ thể như sau: UBND tỉnh phê duyệt (hoặc ủy quyền phê duyệt) thiết kế, dự toán hạng mục, gói thầu hoặc phê duyệt thiết kế tổng dự toán cả dự án trước khi triển khai; tổ chức đấu thầu... theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước

2. Hình thức tự thực hiện: Doanh nghiệp tự phê duyệt thiết kế và dự toán theo quy định; tự phân chia hạng mục đầu tư, gói thầu; tự tổ chức thực hiện hoặc thuê nhà thầu. Trường hợp này doanh nghiệp được thanh toán theo mức kinh phí được xác định tại khoản 1 và 2 Điều 9 Quy định này.

Điều 13. Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án

1. Doanh nghiệp và nhà thầu (nếu có) tự nghiệm thu và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung nghiệm thu.

2. Sau khi hoàn thành tự nghiệm thu, trường hợp doanh nghiệp cần giải ngân khoản hỗ trợ theo quy định tại khoản 1, Điều 8 Quy định này, doanh nghiệp có văn bản đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận khối lượng hoàn thành hạng mục đầu tư, gói thầu.

3. Trong thời gian 5 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị nghiệm thu của doanh nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra và lập biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành các hạng mục đầu tư, gói thầu dự án. Mỗi thành viên tham gia xác nhận giữ 01 bản, doanh nghiệp giữ 02 bản làm căn cứ pháp lý giải ngân khoản hỗ trợ với Kho bạc nhà nước.

Trường hợp hạng mục đầu tư, gói thầu phức tạp về kỹ thuật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mời thêm cơ quan chuyên ngành tham gia xác nhận khối lượng hoàn thành.

Điều 14. Nghiệm thu dự án hoàn thành

1. Hồ sơ nghiệm thu

a) Văn bản đề nghị của doanh nghiệp (bản chính);

b) Quyết định hỗ trợ đầu tư của UBND tỉnh;

c) Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán theo thẩm quyền quy định tại Điều

12 Quy định này;

d) Hợp đồng mua bán (trường hợp mua bán hàng hóa, thiết bị...);

e) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, chứng nhận chất lượng hàng hóa (nếu là hàng hóa nhập khẩu).

2. Doanh nghiệp nộp 03 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này (trong đó có 01 bộ gốc) theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Trong thời gian 05 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm mời đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, cơ quan chuyên ngành có liên quan, UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án và đại diện doanh nghiệp tiến hành nghiệm thu dự án hoàn thành.

4. Nội dung nghiệm thu: Kiểm tra hồ sơ nghiệm thu; xác nhận khối lượng hoàn thành; kiểm tra việc thực hiện dự án theo các quy định tại Quyết định này.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập biên bản nghiệm thu dự án hoàn thành có chữ ký của các đại diện tham gia nghiệm thu; mỗi thành viên tham gia nghiệm thu được giữ 01 bản, doanh nghiệp được giữ 02 bản làm căn cứ pháp lý để giải ngân khoản hỗ trợ với Kho bạc nhà nước.

Điều 15. Thanh toán, quyết toán, quản lý khoản hỗ trợ

Việc thanh toán, quyết toán và quản lý khoản hỗ trợ cho doanh nghiệp thực hiện theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

Đối với dự án sử dụng vốn lồng ghép, doanh nghiệp được quyền áp dụng quy định tổ chức thực hiện, giải ngân của Quy định này và các hướng dẫn thực hiện.

Điều 16. Trình tự, thủ tục đề nghị đầu tư các hạng mục hạ tầng phục vụ sản xuất

Căn cứ nhu cầu đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất và các quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 6 và Điều 7 của Quy định này; nhà đầu tư gửi UBND tỉnh văn bản đề nghị đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất.

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, các sở, ngành cấp tỉnh có liên quan và UBND huyện, UBND xã nơi thực hiện dự án tham mưu UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền đầu tư dự án theo trình tự, thủ tục về quản lý đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Điều 17. Xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

1. Căn cứ nhu cầu đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm đầu mối, phối hợp với UBND các huyện, thành, thị và các Sở, Ngành có liên quan lập danh mục dự án kêu gọi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn của tỉnh.

Trên cơ sở danh mục dự án do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp vào danh mục dự án kêu gọi đầu tư chung của tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt và đưa vào chương trình hội nghị xúc tiến đầu tư hàng năm của tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục các dự án dự kiến được tính hỗ trợ hàng năm và trung hạn trên cơ sở tổng hợp nhu cầu đầu tư do doanh nghiệp đề xuất.

Điều 18. Giám sát các khoản hỗ trợ và chế độ báo cáo

1. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện giám sát triển khai các chính sách tại Quy định này, kiểm tra việc quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện không đúng nội dung được hỗ trợ so với Quyết định hỗ trợ, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định thu hồi các hỗ trợ của nội dung thực hiện không đúng và nộp về ngân sách tỉnh hoặc chuyển hỗ trợ cho dự án khác đã có quyết định hỗ trợ.

3. Khi doanh nghiệp hoàn thành đầu tư dự án, doanh nghiệp lập báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện đầu tư dự án theo quy định của Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện chính sách theo Quy định này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của các Sở, Ngành, cơ quan đơn vị có liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn doanh nghiệp trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ đầu tư theo Quy định này;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan thẩm tra hỗ trợ đối với các dự án, trình UBND tỉnh quyết định hỗ trợ cho doanh nghiệp;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập danh mục dự án, lồng ghép các nguồn vốn và dự kiến phân bổ vốn hỗ trợ cho từng dự án của Doanh nghiệp theo kế hoạch hàng năm và trung hạn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư lập dự toán chi ngân sách tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP và khoản 18 Điều 3 Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện chính sách này, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua;

b) Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc thanh toán, quyết toán và quản lý khoản hỗ trợ cho doanh nghiệp theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ, Sở Tài chính chủ trì hướng dẫn thanh toán, quyết toán các khoản hỗ trợ doanh nghiệp theo Quy định này;

c) Thực hiện theo dõi, kiểm tra việc hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiệm thu hoàn thành các hạng mục, gói thầu; nghiệm thu dự án hoàn thành;

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm tra hỗ trợ đối với các dự án.

4. Các Sở: Xây dựng, Giao thông Vận tải, Công thương theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham gia nghiệm thu hoàn thành các hạng mục, gói thầu; nghiệm thu dự án hoàn thành.

5. Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thành, thị
Theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Tài chính triển khai thực hiện có hiệu quả Quy định này.

Điều 20. Quy định chuyển tiếp được hưởng các hỗ trợ

Dự án đã thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng đáp ứng các điều kiện theo quy định này được hỗ trợ như sau:

1. Được hưởng hỗ trợ cho thời gian còn lại của dự án tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Hỗ trợ cho các hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án thực hiện sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Không hỗ trợ và hồi tố chi phí đối với các hạng mục đầu tư, gói thầu đã thực hiện trước ngày quyết định này có hiệu lực thi hành.

Các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định này, các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành, thị; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Viết Hồng